

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/07/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD1+TD1+CLO	7:25	0+13+6	0+0+0		0+11+11	0+0+0	Chuyen 3 PVD1-TD1
2		RP1+CLO+RP3	7:25	3+7+10	0+0+0		3+4+15	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/07/2023	TO: PVD1 - TD1 - CLO	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HÙNG - XTrường - Toàn	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM TIẾN NINH	TD1					70		KHOAN
2	TRẦN HUY QUANG	TD1	33	1	5		72		KHOAN
3	BUI VĂN LUẬN	TD1	38	1	4		65		KHOAN
4	MAI THÈ HIỀN	TD1	39	1	10		82		KHOAN
5	NGUYỄN TIẾN QUANG	TD1	32	1	9		77		KHOAN
6	TRẦN MẠNH TIỆP	TD1	35	1	11		68		KHOAN
7	TRẦN VĂN PHONG	TD1	34	1	4		65		KHOAN
8	NINH ĐỨC THUẬT	TD1	36	1	5		65		KHOAN
9	TRƯỜNG XUÂN TRUNG	TD1	30	1	6		76		KHOAN
10	ĐO XUÂN VANG	TD1	29	1	5		78		KHOAN
11	VU VĂN QUY	TD1	31	1	5		58		KHOAN
12	NGUYỄN VĂN SA	TD1	40	1	5		67		PSV
13	TÔNG VĂN THÈ	TD1	37	1	15		80		SCHLUMBERGER
14	PHAN QUANG HIỀN	CLO	64	1	6		64		KHOAN
15	TRẦN NGỌC AN	CLO					78		KHOAN
16	NGUYỄN LẬP QUỐC	CLO	66	1	4		64		KHOAN
17	HOANG MINH PHÚC	CLO	65	1	10		80		KHOAN
18	PHAM ĐỨC MINH	CLO					65		KHOAN
19	VU VĂN QUYNH	CLO	62-63	2	11		70		KHOAN

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	0	0	0	0	0	0		
2	TD1	13	12	84	923	0	0		
3	CLO	6	5	31	421	0	0		
TOTAL		19	17	115	1.344	0	0		
WEIGHT KG				115	1.344	0			

GRAND TOAL: 1.459 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/07/2023	TO: RP1 - CLO - RP3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HUNG - XTruong - Toan	ETA: 11:40
CABG-2			

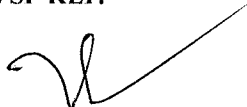
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU XUAN TIEN	RP1	06	1	10	45	70	PSV	Vietnamese
2	NGUYEN QUANG PHUONG	RP1	20	1	5		64	PSV	Vietnamese
3	PHAM DINH VAN	RP1	07	1	5		78	PSV	Vietnamese
4	TRAN VAN DINH	CLO	54	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
5	LE MINH HIEP	CLO	52	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN MANH CUONG	CLO	55	1	6		81	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG THANH MINH	CLO	56-57	2	10		64	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN MANH HOAN	CLO	53	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN BA HUNG	CLO	58	1	10		79	DVL	Vietnamese
10	PHAM HOANG NGUYEN	RP3	98	1	5	20	65	KHI	Vietnamese
11	KHONG TIEN DUNG	RP3	99	1	5		78	KHI	Vietnamese
12	PHAN ANH KHANG	RP3	97	1	8		68	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN THANH HA	RP3	93	1	5		65	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN VAN VY	RP3	30	1	5		69	PSV	Vietnamese
15	TRAN THANH HAI	RP3	27	1	2		60	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TRUNG	RP3	28	1	4		65	PSV	Vietnamese
17	PHAM NGOC CHI	RP3	96	1	5		55	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN DUY CHINH	RP3	29,95	2	5		57	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN VAN HOAI	RP3	94	1	5		57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

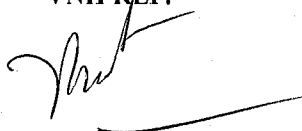
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	3	3	20	212	45	3		
2	CLO	6	7	44	422	0	4		
3	RP3	10	11	49	639	20	15		
TOTAL		19	21	113	1.273	65	22		
WEIGHT KG				113	1.273	65			

GRAND TOAL: 1.451 KGS

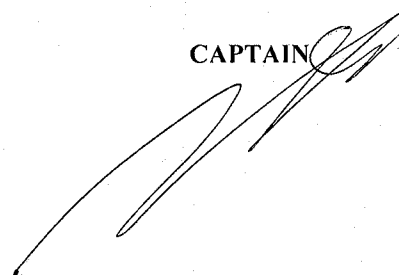
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/07/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P4+BK3+CTK3	7:25	1+2+18	0+0+0		2+0+20	0+0+0	
2		BK9+P9+BK15	7:25	9+1+12	0+0+0		7+1+13	0+0+0	
3		AMD+TD3+PPD	7:25	14+2+6	0+0+0		4+6+9	0+0+0	
4		T.UNG	7:30	17	0		18	0	Tắt máy chờ 2,5h
5		CTK3+BK14+P6	9:25	8+14+0	0+0+0		7+8+7	0+0+0	Chuyen 1 CTK3- BK14
6		PPD+P1+P11	9:25	13+1+8	0+0+0		11+1+8	0+0+0	Chuyen 1 P1- P11
7		TD2+RCDM+TD1	9:25	21+1+0	0+0+0		18+0+4	0+0+0	Chuyen 2 RCDM-TD1 (TTC1)
8		P2+BK9+RP1	11:25	22+0+0	0+0+0		18+4+0	0+0+0	Chuyen 1 P2- RP1
9		AMD+TGTH1+TGTH4	11:25	13+3+3	0+0+0		11+4+4	0+0+0	Puma
10		BK15+HSD+HST	11:25	11+2+9	0+0+0		3+1+2	0+0+0	
11		TD2+CTK3+CNV	13:25	5+10+6	0+0+0		6+7+6	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/Đi về trong ngày: 6 ng CTK3, 3 ng BK9

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/07/2023	TO: P4 - BK3 - CTK3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:31
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - ĐNam - MQUÂN	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DOÀN THANH CÔNG	P4	37	1	5	5	75	KHI	Vietnamese
2	PHẠM VĂN CHUNG	BK3	17-18	2	15	20	78	ANTOAN	Vietnamese
3	LÊ DUY AN	BK3	16	1	10		120	ANTOAN	Vietnamese
4	VU THI VIỆT HOA	CTK3	45	1	5		50	TRƯỜNG TI	Vietnamese
5	NGUYỄN PHI HÙNG	CTK3					82	CÔNG TY D	Vietnamese
6	NGO XUAN PHUOC	CTK3					72	CÔNG TY D	Vietnamese
7	HOANG VAN DUNG	CTK3					85	CÔNG TY D	Vietnamese
8	NGUYỄN NHẬT QUANG	CTK3	44	1	5		70	CÔNG TY D	Vietnamese
9	LÊ THU TRANG	CTK3	48	1	5		60	VSP	Vietnamese
10	TRẦN NGUYỄN BAO MINH	CTK3	01	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
11	МАКСИМОВ Д.С.	CTK3	47	1	5		120	KH-THAC	Russian
12	HOANG XUAN HIEU	CTK3	50	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	CTK3	51	1	5		45	KH-THAC	Vietnamese
14	CAO VĂN ĐAU	CTK3	54	1	5	20	70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN DUY ANH	CTK3	53	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐINH NHO HOÀNG	CTK3	52	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐINH QUANG HOAN	CTK3					67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TÚ THẮNG	CTK3	02	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN PHONG	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐÀO ĐỨC THẮNG	CTK3					72	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM NGỌC CHIẾN	CTK3	49	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

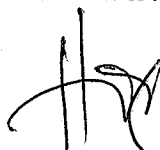
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	1	1	5	75	5	2		
2	BK3	2	3	25	198	20	0		
3	CTK3	18	12	60	1.289	20	20		
TOTAL		21	16	90	1.562	45	22		
WEIGHT KG				90	1.562	45			

GRAND TOAL: 1.697 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: BK9 - P9 - BK15	CREW: Nam - M.Đức - N.Nam	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN CÂN	BK9				25	61	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN LÂM	BK9					75	KH-THAC	Vietnamese
3	MIKHAPOV	BK9	09	1	3		100	KH-THAC	Russian
4	NGUYỄN ĐÌNH NGŨ	BK9	16	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TUÂN ANH	BK9	12-14	3	15		57	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN HỮU TRUNG	BK9	10	1	11		80	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN TRUNG KIẾN	BK9	38-40	3	16		70	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI VĂN TUÂN	BK9	15	1	5		65	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	BK9	11	1	7		68	PSV	Vietnamese
10	HA KHUONG DUY	P9	73-74	2	18	5	65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	BK15	01,20	2	16	30	73	XAYLAP	Vietnamese
12	VŨ TŨ HŨE	BK15	15-16	2	19		56	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN KHOA	BK15	97-98	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐẶNG ANH TUÂN	BK15	08,27	2	15		50	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN MINH THÔNG	BK15	19,23	2	11		73	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐẠO VĂN HOAN	BK15	99	1	13		69	XAYLAP	Vietnamese
17	BUI XUÂN NGỌC	BK15	13-14	2	17		61	XAYLAP	Vietnamese
18	VŨ QUANG VINH	BK15	21-22	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN THẾ	BK15	099	1	12		64	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐẶNG TẤT HẠNH	BK15	17	1	14	17	61	XAYLAP	Vietnamese
21	PHẠM VĂN TOÀN	BK15	11-12	2	11		70	XAYLAP	Vietnamese
22	PHẠM VĂN KHUYNH	BK15	79,10	2	20		71	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	9	11	66	641	25	7		
2	P9	1	2	18	65	5	2		
3	BK15	12	21	185	791	47	13		
TOTAL		22	34	269	1.497	77	22		
WEIGHT KG				269	1.497	77			

GRAND TOAL: 1.843 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/07/2023	TO: AMD - TD3 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: KHOÀN - MTHAO - THU	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	STANLEY FUREY	AMD	18-19	2	15		110	BAB	British
2	NGUYEN NGOC TAN	AMD	24	1	5		75	TLJOC	Vietnamese
3	NGUYEN BINH PHUONG	AMD	25-26	2	12		73	TLJOC	Vietnamese
4	NGUYEN NHU BAO CHUONG	AMD	20-21	2	9		83	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI MINH KHA	AMD	11	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
6	TRINH VAN PHA	AMD	13	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN THUY	AMD	22-23	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN NGOC PHUC	AMD	12	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN HIEU THAO	AMD	29	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN QUANG LONG	AMD	08	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
11	YA LOC	AMD	14-15	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI SY QUYEN	AMD	09-10	2	9		65	KH-THAC	Vietnamese
13	VU VIET THANG	AMD	16-17	2	15	3	67	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM HUYNH CUONG	AMD	06	1	5	20	75	CODIEN	Vietnamese
15	DO VAN THANH	TD3				97	85	VSP XNCD	Vietnamese
16	NGUYEN MANH TUNG TAI	TD3					67	VSP XNCD	Vietnamese
17	LE NGUYEN KHOI NGUYEN	PPD	25-26	2	15		61	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN VAN VINH	PPD	27-28	2	15		67	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN QUOC HUNG	PPD	29	1	12		75	XAYLAP	Vietnamese
20	TRAN DANH LUAT	PPD	21-22	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐANG VAN NAM	PPD	30-31	2	15		77	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN HUU HOANG	PPD	23-24	2	15		66	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	14	21	118	1.012	23	4		
2	TD3	2	0	0	152	97	8		
3	PPD	6	11	87	411	0	10		
TOTAL		22	32	205	1.575	120	22		
WEIGHT KG				205	1.575	120			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN







FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:30
FLIGHT: 4	TO: T.UNG(+2,5h)	CREW: HLONG - VLinH - Nghia	ETA: 13:10
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DUONG PHUC	T.UNG	16	1	3	60	62	D-HANH	Vietnamese
2	SHEVCHENKO	T.UNG					70	D-HANH	Russian
3	NGUYEN TRUONG TUNG	T.UNG					72	D-HANH	Vietnamese
4	LE MANH HUNG	T.UNG					73	ANTOAN	Vietnamese
5	LUONG CONG DAT	T.UNG	44	1	7	10	67	YTE	Vietnamese
6	NGUYEN DUC BINH	T.UNG					67	PVEP ITC	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC HIEU	T.UNG	400	1	9		69	PVEP ITC	Vietnamese
8	PHAM HONG SON	T.UNG	96	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN VIET TUNG	T.UNG					70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TRUNG DUONG	T.UNG	98	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
11	VU DUY DUNG	T.UNG	97	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
12	KIEU XUAN TAM	T.UNG	800	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM VAN THI	T.UNG	95	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
14	TO HUNG DUNG	T.UNG	43	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THANH HAI	T.UNG	99,41	2	6		75	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN QUANG HOA	T.UNG					72	KH-THAC	Vietnamese
17	TRINH MINH DUC	T.UNG	01,46	2	15		66	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	17	13	74	1.187	70	18		
TOTAL		17	13	74	1.187	70	18		
WEIGHT KG				74	1.187	70			

GRAND TOAL: 1.331 KGS

2450 kg (Nghia)

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Fuel:



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	TO: CTK3 - BK14 - P6	CREW: HUNG - ĐNam - MQUÂN	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NGỌC TRI	CTK3	37	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG VIỆT HUNG	CTK3	35	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HOÀNG TÙNG	CTK3	43	1	12		85	KH-THAC	Vietnamese
4	DOÀN QUANG TUÂN	CTK3	39-40	2	15		64	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN PHÚC PHƯỢNG	CTK3	38	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT TIẾN	CTK3	41-42	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN VĂN CHUYỀN	CTK3	36	1	5		51	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HOÀNG LAM	CTK3					71	KH-THAC	Vietnamese
9	HUYNH XUÂN TRƯỜNG	BK14	04	1	8		74	D-HANH	Vietnamese
10	NGUYỄN NAM THAI	BK14	05	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ ANH TUÂN	BK14	96	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
12	VÕ THẾ HẬU	BK14					73	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ THANH HÀ	BK14	01	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT LONG	BK14	99,800	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI MINH HAI	BK14	02-03	2	10		69	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH LUÂN	BK14	97	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ TRI NANG	BK14	98	1	11		72	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN NGỌC DUY	BK14	91	1	9		68	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐOÀN VĂN THUẬN	BK14	92	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
20	DƯƠNG VĂN TUÂN	BK14	94	1	8	20	64	XAYLAP	Vietnamese
21	HỒ VĂN QUYNH	BK14	93	1	6		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	8	9	59	553	0	7	1	CHUYEN 1 PAX CTK3-BK14
2	BK14	13	14	96	901	20	8		
3	P6	0	0	0	0	5	7		
TOTAL		21	23	155	1.454	25	22		
WEIGHT KG				155	1.454	25			

GRAND TOAL: 1.634 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/07/2023	TO: PPD - P1 - P11	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Nam - M.Đức - N.Nam	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO VĂN TRI	PPD	07	1	5	110	62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	13-14	2	10		80	KHI	Vietnamese
3	HOANG NHẬT QUANG	PPD	09	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN VĂN THĂNG	PPD	12	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC CÚ	PPD	08	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐO XUÂN HÀ	PPD	06	1	4		56	KH-THAC	Vietnamese
7	NGO SÁCH ĐỨC	PPD	15	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH THĂNG	PPD	10	1	8		50	KH-THAC	Vietnamese
9	HUYNH BA NINH	PPD	11	1	2		55	KH-THAC	Vietnamese
10	TÔ QUANG HUY	PPD					68	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VĂN VƯỢNG	PPD	05	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ XUÂN VIỆT	PPD	03-04	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN TUÂN ANH	PPD	01-02	2	12		75	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN TRUNG HIỀU	P1	38-39	2	11		90	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG VĂN THUYẾT	P11	02-03	2	15		63	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU PHI	P11	06	1	10		61	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ QUỐC THỤY	P11	13	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN THANH	P11	07-08	2	20		61	XAYLAP	Vietnamese
19	TRỊNH VĂN BÀU	P11	04-05	2	15		74	XAYLAP	Vietnamese
20	VĂN TIỀN DUÂN	P11	10	1	20		70	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐÌNH BA THĂNG	P11	09	1	6		69	PSV	Vietnamese
22	LÊ XUÂN TINH	P11	56	1	5		90	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	13	15	86	860	110	11		CHUYEN 2 PAX P1-P11
2	P1	1	2	11	90	0	1+2		
3	P11	8	11	101	553	0	8		
TOTAL		22	28	198	1.503	110	20		
WEIGHT KG				198	1.503	110			

GRAND TOAL: 1.811 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/07/2023	TO: TD2 - RCDM - TD1	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:00
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: KHOÀN - MTHAO - THỤ	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI THỌ DƯƠNG	TD2	78-79	2	9		63	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN SÁCH ĐƠN	TD2	63	1	11		65	KH-THAC	Vietnamese
3	LY XUÂN TRUNG	TD2	64-65	2	19		68	YTE	Vietnamese
4	VU TIEN THANH	TD2	82-83	2	12		75	GPWS	Vietnamese
5	LÊ VĂN XUÂN	TD2	76	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN KHÁC HÀ TRUNG	TD2	75	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ VINH THUẬT	TD2	67	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN DUY TÂN	TD2	84	1	7		71	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG VIỆT LINH	TD2	74	1	7		101	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN VĂN TÚ	TD2	61	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH NGỌC	TD2	72	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
12	ĐÌNH TIẾN HỮU	TD2	70-71	2	10		69	KHOAN	Vietnamese
13	PHAN THẾ DUNG	TD2	73	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
14	DUÔNG HAI BĂNG	TD2	66	1	6		84	KHOAN	Vietnamese
15	DENIS NOROV	TD2	68	1	6		86	KHOAN	Russian
16	BELYAEV	TD2	62	1	14		83	KH-THAC	Russian
17	TRÌNH HỮU CÂN	TD2	80	1	15		74	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN QUY	TD2	69	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
19	VU ANH TUÂN	TD2	81	1	12		71	KH-THAC	Vietnamese
20	VU NGỌC TIẾN	TD2	85	1	6	40	76	DVL	Vietnamese
21	DUÔNG TRUNG KIẾN	TD2	77	1	10		61	DVL	Vietnamese
22	HỒ TRỌNG BĂNG	RCDM	28	1	8	50	74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

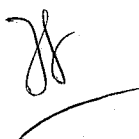
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	21	25	177	1.550	40	18		
2	RCDM	1	1	8	74	50	0		
3	TD1	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	26	185	1.624	90	22		
WEIGHT KG				185	1.624	90			

GRAND TOAL: 1.899 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/07/2023	TO: P2 - RP1 - BK9	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Dương - N.ANH - HIẾU	ETA: 14:00
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	P2	88	1	10	66	73	VSP XNCD	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG PHU	P2	87	1	8		80	VSP XNCD	Vietnamese
3	PHẠM THAI SƠN	P2	89-91	3	15		56	VSP XNCD	Vietnamese
4	LÊ SỸ KHOA	P2					75	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐOÀN VĂN THUẬN	P2	60	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN VINH	P2	59	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN DANH TUÂN	P2	51	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	P2	54	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRINH QUỐC THANH	P2	76-77	2	10		100	KHI	Vietnamese
10	LÊ PHÚC HOÀNG	P2	45	1	15		89	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM VĂN VUI	P2	48-49	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
12	BUI ĐÌNH THU	P2	44	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
13	DƯƠNG SỸ CHIẾN	P2	53	1	15		66	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ NHƯ HUÂN	P2	52	1	15		76	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT HÙNG	P2	50	1	15		63	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN VĂN MINH	P2	57-58	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN SỸ TÌNH	P2	46-47	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH PHU	P2	55-56	2	15		82	XAYLAP	Vietnamese
19	HOÀ QUANG THẮNG	P2	85-86	2	15		64	XAYLAP	Vietnamese
20	HỒ XUÂN HOÀN	P2	92-93	2	15		61	XAYLAP	Vietnamese
21	VU TÂN HỮU	P2	61-62	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese
22	HOÀNG VĂN THANH	P2	01	1	15	20	61	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

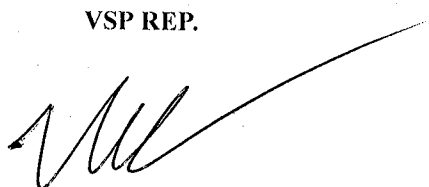
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	22	31	274	1.539	86	18	1	CHUYỂN 1 PAX P2-RP1
2	RP1	0	0	0	0	0	0		
3	BK9	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	31	274	1.539	86	22		
WEIGHT KG				274	1.539	86			

GRAND TOAL: 1.899 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN







FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 11:30
FLIGHT: 9	TO: AMD - TGTH1 - TGTH4	CREW: CÔNG - NKhánh	ETA: 13:30
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ CHIẾN THẮNG	AMD	47	1	9	45	60	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN HỒNG ĐIẾP	AMD	42	1	9		70	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC BIỂU	AMD	54	1	10		64	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	AMD	48	1	16	61	99	CODIEN	Vietnamese
5	CAO XUÂN DŨNG	AMD	41	1	10		71	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN TRÍ PHƯỚC	AMD	49	1	8		70	CODIEN	Vietnamese
7	ĐÌNH MAI THIÊN	AMD	44	1	10		71	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐẠI NGHĨA	AMD	50	1	9		50	CODIEN	Vietnamese
9	MAI ĐÌNH KHANG	AMD	43	1	5		50	CODIEN	Vietnamese
10	HÀ QUANG HUY	AMD	45-46	2	20		70	CODIEN	Vietnamese
11	LÊ QUỐC THUẬN	AMD	51	1	5		68	PSV	Vietnamese
12	TRẦN VĂN TRUNG	AMD	53	1	3		62	PSV	Vietnamese
13	LÊ VĂN THIÊN	AMD	52	1	7		68	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT LÂM	TGTH1	08	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI VĂN HƯƠNG	TGTH1	06-07	2	9		69	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN NGHĨA	TGTH1	04-05	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM TÂN ANH ĐỨC	TGTH4	48-49	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN THANH NGOAN	TGTH4	46-47	2	15		90	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI VĂN QUỐC	TGTH4	50-51	2	10		54	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	13	14	121	873	106	10		
2	TGTH1	3	5	24	216	0	4		
3	TGTH4	3	6	37	209	0	4		
TOTAL		19	25	182	1.298	106	18		
WEIGHT KG				182	1.298	106			

GRAND TOAL: 1.586 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/07/2023	TO: BK15 - HSD - HST	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: LTuấn - MMinh - Huy	ETA: 14:05
tim-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÔ THANH BÌNH	BK15	46	1	12		52	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ SƠN	BK15	44-45	2	10		65	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM TIẾN SY	BK15				22	74	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN CÔNG	BK15	42-43	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ THẾ GIÁP	BK15	54	1	8		70	XAYLAP	Vietnamese
6	HOANG VĂN SANG	BK15				23	63	XAYLAP	Vietnamese
7	LUU QUY DỪNG	BK15	39-40	2	15		59	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN VĂN NAM	BK15	41	1	17		70	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TRUNG (1975)	BK15	52	1	8		72	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN AI	BK15	49	1	4		53	PSV	Vietnamese
11	HOÀNG NGỌC HÒA	BK15	53	1	5		66	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN BÀ QUÂN	HSD	71-72	2	11		60	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐOÀN THANH MAI	HSD	73	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN PHẠNG	HST	43	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TRÁI	HST	66	1	12		63	KH-THAC	Vietnamese
16	DUƠNG MẠNH PHÚ	HST	63	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
17	TRƯỜNG VĂN BA	HST	58-59	2	11		72	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	HST	42	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ XUÂN TUẤN	HST	64-65	2	15		63	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ HỒNG CUÔNG	HST				20	69	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẦN HỮU PHƯỚC	HST	61-62	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
22	HOÀNG NGỌC TÂN	HST	60	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	11	12	94	714	45	3		
2	HSD	2	3	14	119	0	1		
3	HST	9	11	75	608	20	2		
TOTAL		22	26	183	1.441	65	6		
WEIGHT KG				183	1.441	65			

GRAND TOAL: 1.689 KGS

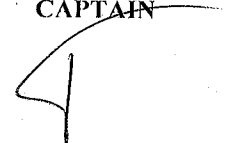
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/07/2023	TO: TD2 - CTK3 - CNV	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:30
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Dương - N.ANH - HIẾU	ETA: 16:20
HONG-4			

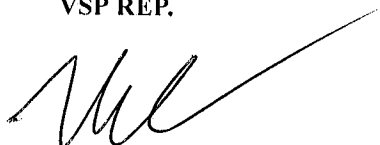
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TIẾN HIỆP	TD2	88	1	8		65	PSV	Vietnamese
2	LÊ VĂN TÀI	TD2	92	1	6		78	PSV	Vietnamese
3	VŨ TIẾN NGỌC	TD2	90-91	2	11	24	79	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN CÔNG KHANH	TD2	89	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN HUYNH LAM	TD2					67	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN NAM	CTK3	61-62	2	18		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VŨ HOÀNG	CTK3	58-60	3	15		71	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM BA HOÀNG	CTK3	04	1	7	20	70	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN KHẮC THĂNG	CTK3	63	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG MẠNH	CTK3	66	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN NGỌC HIỆP	CTK3	57	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VĂN BA	CTK3	67	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG CHUÔNG	CTK3	55-56	2	11		63	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THIÊN TOÀN	CTK3	05	1	5	10	68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGÔ PHẠM THANH HUY	CTK3	64-65	2	16		82	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG ĐỨC HẠNH	CNV	86	1	5	17	64	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐINH VĂN SƠN	CNV	87	1	4	50	69	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG QUANG HUY	CNV	85	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ QUANG HẢI	CNV	88	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
20	PHÙNG VĂN KHANH	CNV	84	1	11		73	KH-THAC	Vietnamese
21	VÔ THANH NHẬT	CNV	89	1	7		74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	5	5	35	369	24	6		
2	CTK3	10	15	95	671	30	7		
3	CNV	6	6	44	426	67	6		
TOTAL		21	26	174	1.466	121	19		
WEIGHT KG				174	1.466	121			

GRAND TOAL: 1.761 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

